

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẸ QUÝ II-2014

Hà Nội - Tháng 8 năm 2014

MỤC LỤC

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30-6-2014	2 – 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II-2014	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Quý II-2014	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.934.566.049	63.584.969.590
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39.222.276.641	27.364.572.542
1. Tiền	111		5.522.276.641	2.164.572.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.700.000.000	25.200.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	19.096.428.847	20.051.764.986
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.254.812.548	20.231.378.007
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(158.383.701)	(179.613.021)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.548.011.719	16.014.436.525
1. Phải thu khách hàng	131		1.577.318.415	9.353.672.942
2. Trả trước cho người bán	132		7.635.866	26.892.052
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	7.111.005.097	7.781.819.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.147.947.659)	(1.147.947.659)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		67.848.842	154.195.537
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	60.848.842	137.195.537
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	7.000.000	17.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.970.950.709	86.317.867.532
(200 = 210+220+240+250+260)				
II Tài sản cố định	220		122.298.822	158.988.462
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	122.298.822	158.988.462
- Nguyên giá	222		587.034.280	587.034.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(464.735.458)	(428.045.818)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	20.617.875.000	20.617.875.000
1. Nguyên giá	241		20.617.875.000	20.617.875.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	65.167.189.997	65.515.553.696
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46.167.189.997	46.515.553.696
V. Tài sản dài hạn khác	260		63.586.890	25.450.374
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	63.586.890	25.450.374
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		151.905.516.758	149.902.837.122

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.620.865.864	1.963.757.047
I- Nợ ngắn hạn	310		1.590.865.864	1.933.757.047
2. Phải trả người bán	312		200.624.445	218.145.449
3. Người mua trả tiền trước	313		15.000.000	10.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	329.255.569	115.066.917
5. Phải trả người lao động	315		139.504.436	230.211.722
7. Phải trả nội bộ	317		319.633.324	319.633.324
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	148.937.234	187.515.880
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		437.910.856	853.183.755
II- Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	5.13	150.284.650.894	147.939.080.075
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	150.284.650.894	147.939.080.075
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.884.891.294	22.884.891.294
4. Cổ phiếu quỹ	414		(16.887.238.217)	(16.887.238.217)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.504.824.788	2.211.478.243
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.606.859.014	2.313.512.469
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		229.828.797	803.049.253
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.688.485.218	2.356.387.033
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		151.905.516.758	149.902.837.122

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014
 Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ
QUÝ II/2014**

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	1.750.395.327	1.750.395.327	3.468.063.381	3.496.683.654
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		1.750.395.327	1.750.395.327	3.468.063.381	3.496.683.654
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.15	1.233.201.698	932.373.194	2.538.250.256	1.931.614.829
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		517.193.629	818.022.133	929.813.125	1.565.068.825
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	2.721.629.478	968.374.944	4.131.877.233	2.798.315.231
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	5.17	197.855.784	(165.614.519)	230.705.964	430.381.216
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		374.793.263	389.719.531	759.853.631	512.745.045
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		2.666.174.060	1.562.292.065	4.071.130.763	3.420.257.795
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12.	Chi phí khác	32		-	-	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		-	-	-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.666.174.060	1.562.292.065	4.071.130.763	3.420.257.795
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	360.445.703	373.872.566	561.846.398	577.567.574
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		2.305.728.357	1.188.419.499	3.509.284.365	2.842.690.221

Ngày 06 tháng 8 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG**PHÓ GIÁM ĐỐC****BÙI VĂN DŨNG****NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	4.071.130.763	3.420.257.795
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	36.689.640	49.483.506
- Các khoản dự phòng	03	(21.229.320)	(151.392.926)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.880.589.949)	(2.798.315.231)
- Chi phí lãi vay	06	648.000	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	206.649.134	520.033.144
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.552.771.501	914.870.812
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(571.405.682)	6.759.544.381
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.136.516)	4.317.287
- Tiền lãi vay đã trả	13	(648.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(327.369.957)	(975.711.877)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	380.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(708.619.444)	(109.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	7.493.241.036	7.113.453.747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	(9.111.950.941)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.415.506.110	5.019.233.378
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.427.832.996)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.880.589.949	2.798.315.231
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	4.368.263.063	(1.294.402.332)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	540.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(540.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.800.000)	(3.638.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(3.800.000)	(3.638.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	11.857.704.099	5.815.413.415
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.364.572.542	30.093.628.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	39.222.276.641	35.909.042.079

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014
Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0102556300, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 7 năm 2014.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFL., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 là 134.257.000.000 đồng.
Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	10,38%
Các cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,62%

Cộng

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFL.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II-2014

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính Quý II-2014 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

6 tháng 2014
(số năm)

Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CDHH khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tên Công ty con	: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ	: 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát	: 100%;
Ngành nghề	: Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và sức tiến thương mại.
Trụ sở	: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
 (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	92.814.127	253.294.955
Tiền gửi ngân hàng	5.429.462.514	1.911.277.587
Các khoản tương đương tiền	33.700.000.000	25.200.000.000
Tổng	39.222.276.641	27.364.572.542

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	7.896.892.607	7.800.778.007
Cho vay vốn ngắn hạn	11.357.919.941	2.430.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi kỳ hạn 01 năm)	-	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(158.383.701)	(179.613.021)
Tổng	19.096.428.847	20.051.764.986

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	693.089	7.555.667.546	546.989	5.575.444.476
Công ty Cổ phần Licogi (LIG)	29.000	340.983.906	29.000	340.983.906
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	-	-	227.100	1.783.317.510
Các loại cổ phiếu khác	20	241.155	18.620	101.032.115
Tổng		7.896.892.607		7.800.778.007

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách dịch và từ điển Giáo dục	269.519.941	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	-	1.329.000.000
Các cá nhân khác	188.400.000	201.600.000
Tổng	1.357.919.941	2.430.600.000

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu hợp thác đầu tư (*)	6.634.150.000	7.014.150.000
Lãi tiền gửi dự thu	379.645.833	661.533.333
Dự án cầu giấy	75.000.000	75.000.000
Các khoản phải thu khác	22.209.264	31.135.857
Tổng	7.111.005.097	7.781.819.190

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG .

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	2.307.376
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	60.848.842	134.888.161
Tổng	60.848.842	137.195.537

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	7.000.000	17.000.000
Tổng	7.000.000	17.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị: VND*

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 30/6/2014	<u>587.034.280</u>	<u>587.034.280</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	428.045.818	428.045.818
Tăng trong kỳ	36.689.640	36.689.640
Khấu hao trong kỳ	36.689.640	36.689.640
Số dư tại 30/6/2014	<u>464.735.458</u>	<u>464.735.458</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	158.988.462	158.988.462
Tại 30/6/2014	<u>122.298.822</u>	<u>122.298.822</u>

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	30.000.000	30.000.000
Số dư tại 30/6/2014	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	30.000.000	30.000.000
Số dư tại 30/6/2014	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	-	-
Tại 30/6/2014	<u>-</u>	<u>-</u>

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng.
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty liên doanh, liên kết	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (*)	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	427.425	46.167.189.997	427.425	46.515.553.696
Đầu tư Cổ phiếu dài hạn	427.425	4.338.525.000	427.425	4.338.525.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Bell Torta	32.425	388.525.000	32.425	388.525.000
Đầu tư dài hạn khác		41.828.664.997	-	42.177.028.696
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	803.864.998	-	1.152.228.697
Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam (**)	-	41.024.799.999	-	41.024.799.999
Tổng		65.167.189.997		65.515.553.696
Dự phòng Giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
Tổng cộng		65.167.189.997		65.515.553.696

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	25.450.374	28.559.452
Tăng	49.519.000	6.744.849
Phân bổ vào chi phí	11.382.484	11.062.136
Tại ngày 30 tháng 6	63.586.890	24.242.165
	30/6/2014	30/6/2013
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	63.586.890	24.242.165
Tổng	63.586.890	24.242.165

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	97.086.504	115.066.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.169.065	-
Tổng	329.255.569	115.066.917

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.530.411	23.952.291
Bảo hiểm xã hội	53.258.286	95.612.589
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.951.000	67.951.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.020.000</i>	<i>9.020.000</i>
<i>Tiền lãi ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
Tổng	148.937.234	187.515.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	608.980.417	11.300.696.261	154.552.782.813
Tăng trong kỳ	-	50.558.717	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	2.100.766.080	3.907.131.278
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	2.100.766.080	2.100.766.080
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	-	1.755.806.481
Tăng khác	-	50.558.717	-	-	-	-	-	50.558.717
Giảm trong kỳ	-	-	(915.441.283)	-	-	391.199.991	11.045.075.308	10.520.834.016
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.341.075.308	2.341.075.308
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.704.000.000	8.704.000.000
Chi thưởng	-	-	-	-	-	248.977.778	-	248.977.778
Giảm khác	-	-	(915.441.283)	-	-	142.222.213	-	(773.219.070)
Số dư tại 31/12/2013	134.257.000.000	22.884.891.294	(16.887.238.217)	2.211.478.243	2.313.512.469	803.049.253	2.356.387.033	147.939.080.075
Số dư tại 01/01/2014	134.257.000.000	22.884.891.294	(16.887.238.217)	2.211.478.243	2.313.512.469	803.049.253	2.356.387.033	147.939.080.075
Tăng trong kỳ	-	-	-	293.346.545	293.346.545	293.346.545	3.509.284.365	4.389.324.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	293.346.545	293.346.545	293.346.545	-	880.039.635
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	3.509.284.365	3.509.284.365
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	866.567.001	1.177.186.180	2.043.753.181
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.173.386.180	1.173.386.180
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	866.567.001	-	866.567.001
Chi trả cổ tức (năm 2012)	-	-	-	-	-	-	3.800.000	3.800.000
Số dư tại 30/6/2014	134.257.000.000	22.884.891.294	(16.887.238.217)	2.504.824.788	2.606.859.014	229.828.797	4.688.485.218	150.284.650.894

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
Cổ đông khác	120.317.000.000	120.317.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2014	từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.800.000	10.488.668.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2014	1/1/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.545.700	2.545.700
Cổ phiếu phổ thông	2.545.700	2.545.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.880.000	10.880.000
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2014	từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.468.063.381	3.496.683.654
Tổng	3.468.063.381	3.496.683.654

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.538.250.256	1.931.614.829
Tổng	2.538.250.256	1.931.614.829

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.103.282.845	1.593.207.856
Lãi đầu tư cổ phiếu	511.310.888	95.119.875
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.517.283.500	1.109.987.500
Tổng	4.131.877.233	2.798.315.231

5.17 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	648.000	-
Lỗ đầu tư cổ phiếu	251.287.284	581.774.142
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(21.229.320)	(151.392.926)
Tổng	230.705.964	430.381.216

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.071.130.763	3.420.257.795
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.517.283.500	1.109.987.500
Lợi nhuận tính thuế	2.553.847.263	2.310.270.295
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	561.846.398	577.567.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II-2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	275.010.058	22.856.293
Chi phí nhân công	1.529.518.235	100.794.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.689.640	49.483.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.086.269.348	51.685.970
Chi phí khác bằng tiền	370.616.606	287.925.173
Tổng	3.298.103.887	512.745.045

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý II-2013.

Kế toán trưởng*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014***Phó Giám đốc****Bùi Văn Dũng****Nguyễn Thị Hồng Điệp**